TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2024.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Thuỷ.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Ông Đặng Bắc.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Hương Liên– Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1979; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T được tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên ngày 29 tháng 9 năm 2010. Sau khi kết hôn, chị về chung sống tại gia đình nhà chồng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hoà hợp, vui vẻ. Đến tháng 12 năm 2013, anh T đi lao động xuất khẩu tại Trung Quốc để kiếm thêm thu nhập, sau khi anh T đi, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Đến tháng 11 năm 2015, chị cũng sang Nhật Bản để làm ăn, kiếm thêm thu nhập. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến năm 2018, anh T trở về Việt Nam sinh sống và hiện anh T đang sống cùng mẹ và hai con chung của chị và anh T. Sau nhiều năm suy nghĩ nhận thấy vợ chồng không cùng quan điểm để duy trì hôn nhân nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Đức Bình M, sinh ngày 11/12/2012. Hiện hai con đang ở nhà bà nội với anh Nguyễn Đức T tại xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị đang làm việc ở nước ngoài nên đề nghị giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, sau này chị về nước chị sẽ đón hai cháu về ở cùng. Về cấp dưỡng: Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 4.000.000đ/tháng/2con cho đến khi các con trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang làm việc tại Nhật Bản, do vậy chị có uỷ quyền cho chị Tạ Thị X (là em gái), sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm M, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thay chị nộp các tài liệu, giấy tờ và thay chị nhận những văn bản tố tụng, bản án của Toà án. Ngoài ra, chị H xin được giải quyết vắng mặt trong vụ án trên, chị giữ nguyên những ý kiến chị đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Nguyễn Đức T. Bà Đinh Thị V là mẹ đẻ của anh T, có cùng hộ khẩu thường trú với anh T có nhận thay những văn bản tố tụng và cam kết giao tận tay cho anh T các văn bản tố tụng của Tòa án. Toà án đã triệu tập anh T nhiều lần, nhưng anh T đều không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với việc chị Tạ Thị H xin ly hôn với anh. Ngày 22/12/2023, tại buổi làm việc với Công an xã L, thành phố T xác định anh T hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm K, xã L, thành phố T. Anh T hiện đang làm việc tại địa phương và có cùng hộ khẩu thường trú với bà Đinh Thị V là mẹ đẻ anh T.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/12/2023 giữa Toà án, anh Nguyễn Đức T dưới sự chứng kiến của trưởng xóm K, xã L thể hiện: Toà án có đến trực tiếp nơi anh T sinh sống tuy nhiên anh T hiện đang đi làm nên không có mặt tại nhà. Qua trưởng xóm được biết anh T hiện đang làm việc tại Doanh nghiệp P gần nhà. Tại Doanh nghiệp Phong Hiền sau khi gặp và giải thích pháp luật cho anh T về việc Toà án yêu cầu anh T cung cấp quan điểm của anh T về việc chị H xin ly hôn, nhưng anh T từ chối không làm việc với Toà án, từ chối cung cấp quan điểm cá nhân nên Toà án tiến hành lập biên bản với nội dung trên để làm căn cứ cho việc giải quyết nội dung vụ án. Tại Biên bản làm việc cùng ngày với bà Đinh Thị V xác định: *Anh T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Toà án (02 lần) nhưng do anh T không muốn ly hôn nên anh không lên Toà án làm việc, anh T cũng không cung cấp ý kiến. Chị H xin ly hôn thì thủ tục như nào chị H tự làm và tự quyết định. Anh sẽ không hợp tác lên Toà án để làm thủ tục. Bà V cho biết hiện hai con của anh T và chị H là Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 09/7/2011 và con thứ hai là Nguyễn Đức Bình M, sinh ngày 11/12/2012 đang ở cùng bà và anh T tại xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, gia đình mong muốn Toà án đừng chia tách hai cháu ra để hai con được ở cùng anh T, để việc giải quyết ly hôn giữa anh T và chị H không ảnh hưởng đến tâm lý của hai cháu. Chị H hàng tháng có gửi tiền về cho bà để bà nuôi và đóng học phí cho các cháu. Về cấp dưỡng: Đề nghị Toà án giải*

quyết để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung nợ chung: Anh T và chị H không có tài sản chung, nợ chung gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị H, chị H được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Giao cả hai con chung là Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Đức Bình M, sinh ngày 11/12/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T 4.000.000 đồng/tháng/2con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung chị H không đề nghị giải quyết, anh T không có ý kiến đối với phần tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang làm việc ở Nhật Bản, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H gửi đơn khởi kiện, tài liệu và bản tự khai kèm thẻ cư trú tại Nhật Bản và uỷ quyền cho chị Tạ Thị X, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm M, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thay chị nộp các tài liệu, giấy tờ, các khoản tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án và thay chị nhận những văn bản tố tụng, bản án của Toà án.

[1.2.] Nguyên đơn chị Tạ Thị H đang ở Nhật Bản, nhưng đã gửi các văn bản trình bày quan điểm về cho Tòa án và cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T1, qua xác minh tại Công an xã L xác định hiện đang đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết anh T1 đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh T1 không đến Tòa án và cũng không cung cấp quan điểm của mình cho Tòa án. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh T1 vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn với chị H. Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Đức T.

[2].Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Đức T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc năm 2013 anh T đi lao động xuất khẩu tại Trung Quốc để kiếm thêm thu nhập, chị H cho rằng anh T đã không tu chí làm ăn, dẫn

đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Tiếp đó, năm 2015 chị H sang Nhật Bản để làm ăn, còn anh T năm 2018 về nước, vợ chồng đã không còn liên lạc và quan tâm đến nhau từ 2015 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn. Anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt anh đã đồng ý lý hôn. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam các bên đều không thực hiện được, nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc như mong muốn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị H, cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp thực tế và Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2.]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Đức Bình M, sinh ngày 11/12/2012. Hiện các cháu đều đang ở nhà bà nội với anh T tại xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tại bản tự khai của hai cháu Nguyễn Thị Hương L và Nguyễn Đức Bình M đều thể hiện các cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố (anh T) do mẹ cháu (chị H) đang ở nước ngoài. Chị H cũng có quan điểm, khi cha mẹ ly hôn để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con, nên nhất trí giao cả hai cháu cho anh T (vì từ nhỏ các cháu sống cùng bố và bà nội). Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho các con khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao hai con chung là Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Đức Bình M, sinh ngày 11/12/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, cũng đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị H. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh T mỗi tháng là 4.000.000 đồng/tháng/2con, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3.] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Anh T không có ý kiến quan điểm về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[2.4.] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.5.] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tạ Thị H đối với anh Nguyễn Đức T. Chị Tạ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:

- *Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho anh Nguyễn Đức T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 09/7/2011 và cháu Nguyễn Đức Bình M, sinh ngày 11/12/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tạ Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh T mỗi tháng là 4.000.000 đồng/tháng/2con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

- *Về thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:* Chị H là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, chị H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 000025 ngày 09/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Tạ Thị H phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND xã Linh Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)
Nguyễn Thị Thuỷ

Chị Tạ Thị Hương được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Đức Thuận được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy Đặng Bắc Nguyễn Thị Thủy